

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2024

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/01/2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của ĐHTN, Đại học Thái Nguyên thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2024 như sau:

1. Phương thức tuyển sinh và thời gian tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.
- Thời gian tuyển sinh: Đợt 1: ngày 09 - 10/5/2024;
Đợt 2: ngày 03 - 04/10/2024.

2. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng.
- Thời gian đào tạo: Từ 1,5 - 2 năm.

3. Môn thi tuyển, xét tuyển, ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến)

a) Môn thi tuyển (ngoại ngữ đầu vào)

Môn thi tuyển là môn tiếng Anh (trừ người dự tuyển vào các ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh). Dạng thức đề thi môn tiếng Anh đảm bảo xác định được trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Người dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh đăng ký dự thi một ngôn ngữ (ngoại ngữ 2) trong các ngôn ngữ sau đây (không trùng với ngôn ngữ thuộc chuyên ngành đăng ký dự tuyển): tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nga và tiếng Pháp.

Người dự tuyển có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại Mục 6 của Thông báo này không phải tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào.

b) Môn xét tuyển: Gồm môn Cơ sở và môn Chủ chốt

Môn xét tuyển được lựa chọn là 02 học phần quan trọng trong các học phần bắt buộc theo yêu cầu của ngành đào tạo để đánh giá kiến thức chuyên môn ở trình độ đại học của người dự tuyển.

Danh mục các học phần được lựa chọn để xét tuyển được công khai trên trang thông tin điện tử của các đơn vị đào tạo.

c) Ngành đào tạo và tổng chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến)

| TT | Tên ngành đào tạo | Mã số | Chỉ tiêu | Tên đơn vị đào tạo |
|----|---|---------|----------|--|
| 1 | Toán giải tích | 8460102 | 20 | Liên hệ và nộp hồ sơ tại Trường Đại học Sư phạm; Điện thoại: 0977831483; Website: http://www.tnue.edu.vn Tổng chỉ tiêu: 545 |
| 2 | Đại số và lí thuyết số | 8460104 | 15 | |
| 3 | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán học | 8140111 | 30 | |
| 4 | Vật lý chất rắn | 8440104 | 20 | |
| 5 | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý | 8140111 | 20 | |
| 6 | Hóa phân tích | 8440118 | 20 | |
| 7 | Hóa vô cơ | 8440113 | 20 | |
| 8 | Di truyền học | 8420121 | 20 | |
| 9 | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Sinh học | 8140111 | 20 | |
| 10 | Văn học Việt Nam | 8220121 | 25 | |
| 11 | Lịch sử Việt Nam | 8229013 | 20 | |
| 12 | Địa lý học | 8440217 | 20 | |
| 13 | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lý | 8140111 | 20 | |
| 14 | Quản lý giáo dục | 8140114 | 105 | |
| 15 | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Lý luận chính trị | 8140111 | 20 | |
| 16 | Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) | 8140101 | 25 | |
| 17 | Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) | 8140101 | 70 | |
| 18 | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục thể chất | 8140111 | 20 | |
| 19 | Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh | 8140111 | 35 | |
| 20 | Công nghệ sinh học | 8420201 | 20 | |
| 21 | Khoa học môi trường | 8440301 | 25 | |
| 22 | Chăn nuôi | 8620105 | 20 | |

| TT | Tên ngành đào tạo | Mã số | Chỉ tiêu | Tên đơn vị đào tạo | |
|----|------------------------------------|----------|----------|--|---|
| 23 | Khoa học cây trồng | 8620110 | 30 | Website: http://tuaf.edu.vn Tổng chỉ tiêu: 320 | |
| 24 | Kinh tế nông nghiệp | 8620115 | 45 | | |
| 25 | Phát triển nông thôn | 8620116 | 20 | | |
| 26 | Lâm học | 8620201 | 30 | | |
| 27 | Thú y | 8640101 | 20 | | |
| 28 | Quản lý đất đai | 8850103 | 80 | | |
| 29 | Quản lý tài nguyên rừng | 8620211 | 30 | | |
| 30 | Kỹ thuật Cơ khí | 60520103 | 20 | | Liên hệ và nộp hồ sơ tại Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp; Điện thoại: 02083547989; Website: http://www.tnut.edu.vn Tổng chỉ tiêu: 130 |
| 31 | Kỹ thuật điện | 60520202 | 30 | | |
| 32 | Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa | 60520216 | 20 | | |
| 33 | Kỹ thuật điện tử | 60520203 | 20 | | |
| 34 | Kỹ thuật viễn thông | 60520208 | 20 | | |
| 35 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 60520116 | 20 | | |
| 36 | Quản lý kinh tế | 8340410 | 250 | Liên hệ và nộp hồ sơ tại Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh; Điện thoại: 02083547653; 0869056333; 0988496222; Website: http://www.tueba.edu.vn Tổng chỉ tiêu: 420 | |
| 37 | Quản trị kinh doanh | 8340101 | 100 | | |
| 38 | Kinh tế nông nghiệp | 8620115 | 10 | | |
| 39 | Kế toán | 8340301 | 30 | | |
| 40 | Kinh tế phát triển | 8310105 | 30 | | |
| 41 | Nội khoa | 60720140 | 42 | Liên hệ và nộp hồ sơ tại Trường Đại học Y - Dược; Điện thoại: 02083858198; Website: http://www.tump.edu.vn Tổng chỉ tiêu: 158 | |
| 42 | Ngoại khoa | 60720123 | 37 | | |
| 43 | Nhi khoa | 60720135 | 27 | | |
| 44 | Y học dự phòng | 60720163 | 52 | | |
| 45 | Phương pháp Toán sơ cấp | 8460113 | 25 | Liên hệ và nộp hồ sơ tại Trường Đại học Khoa học; Điện thoại: 0854045999; 0856638222 Website: http://tnus.edu.vn Tổng chỉ tiêu: 280 | |
| 46 | Toán ứng dụng | 8460112 | 25 | | |
| 47 | Quang học | 8440110 | 15 | | |
| 48 | Văn học Việt Nam | 8220121 | 35 | | |
| 49 | Hóa phân tích | 8440118 | 15 | | |

| TT | Tên ngành đào tạo | Mã số | Chỉ tiêu | Tên đơn vị đào tạo |
|--------------------------------|---|---------|-------------|--|
| 50 | Quản lý Tài nguyên và Môi trường | 8850101 | 40 | |
| 51 | Công nghệ sinh học | 8420201 | 10 | |
| 52 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 8229015 | 20 | |
| 53 | Khoa học quản lý | 8340401 | 70 | |
| 54 | Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật | 8380106 | 25 | |
| 55 | Khoa học máy tính | 8480101 | 70 | Liên hệ và nộp hồ sơ tại Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông; Điện thoại: 0914505255; Website: http://ictu.edu.vn Tổng chỉ tiêu: 150 |
| 56 | Kỹ thuật điều khiển và Tự động hoá | 8520216 | 20 | |
| 57 | Kỹ thuật viễn thông | 8520208 | 30 | |
| 58 | Hệ thống thông tin quản lý | 8340405 | 30 | Liên hệ và nộp hồ sơ tại Trường Ngoại ngữ; Điện thoại: 02083648268; Website: http://sfl.tnu.edu.vn Tổng chỉ tiêu: 30 |
| 59 | Ngôn ngữ Anh | 8220201 | 20 | |
| 60 | Ngôn ngữ Trung Quốc | 8220204 | 10 | Liên hệ và nộp hồ sơ tại Khoa Quốc tế; Điện thoại: 02083549188; Website: http://is.tnu.edu.vn Tổng chỉ tiêu: 30 |
| 61 | Kinh doanh quốc tế (Chương trình đào tạo bằng tiếng Anh) | 8340120 | 30 | |
| Tổng chỉ tiêu (dự kiến) | | | 2063 | |

4. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a) Người dự tuyển phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Công bố khoa học được quy định cụ thể như sau:

+ Là tác giả chính của ít nhất 01 báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí

khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,5 trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo có chỉ số ISBN do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành;

+ Là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Nộp hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo thông báo tuyển sinh của ĐHTN và đơn vị đào tạo.

b) Ngành phù hợp được nêu tại Mục a) là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng. Người dự tuyển các ngành thuộc lĩnh vực quản trị và quản lý, đào tạo theo chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm những ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.

c) Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo và quy định những trường hợp người dự tuyển phải hoàn thành học bổ sung kiến thức được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của các đơn vị đào tạo.

5. Đối tượng và chính sách ưu tiên

a) Đối tượng ưu tiên

Người có thời gian công tác liên tục từ 2,0 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành (căn cứ trên quyết định tiếp nhận/ điều động, biệt phái công tác của cơ quan có thẩm quyền); Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Con liệt sĩ; Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2,0 năm trở lên ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành; Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực do hậu quả của chất độc hoá học.

Người được ưu tiên cần nộp vào hồ sơ dự tuyển giấy tờ hợp lệ xác nhận thuộc đối tượng ưu tiên.

b) Mức ưu tiên

Người dự tuyển diện ưu tiên (kể cả thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 1,0 điểm (thang điểm 10) vào kết quả điểm môn Cơ sở.

6. Điều kiện miễn thi ngoại ngữ đầu vào

Người dự tuyển được miễn thi điều kiện chuẩn đầu vào ngoại ngữ khi thỏa mãn một trong các điều kiện về ngoại ngữ dưới đây:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài (ít nhất 75% tổng số tín chỉ được giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài).

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHTN hoặc đơn vị đào tạo của ĐHTN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc

dùng cho Việt Nam.

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Văn bằng và bảng điểm đại học, thạc sĩ và tiến sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản xác nhận văn bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Tiêu chí xét tuyển

a) Đối với chương trình đào tạo định hướng ứng dụng và chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu:

- Căn cứ kết quả học tập ở trình độ đại học hoặc tương đương để xét tuyển.

- Căn cứ vào điểm của 02 học phần quan trọng trong các học phần bắt buộc ở trình độ đại học của người dự tuyển (môn xét tuyển).

Ngoài hai tiêu chí trên, người dự tuyển các chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu phải có bằng tốt nghiệp đại học xếp loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu theo quy định tại Mục 4.

b) Đơn vị đào tạo thông báo công khai danh mục môn xét tuyển (Môn Cơ sở và môn Chủ chốt) của từng ngành đào tạo trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo.

c) Nguyên tắc xét tuyển

Điểm xét tuyển là tổng điểm của các thành phần: điểm môn Cơ sở, điểm môn Chủ chốt, điểm thưởng và điểm ưu tiên (theo quy định tại Mục 5).

Điểm của môn Cơ sở và môn Chủ chốt được quy đổi theo thang điểm 10 và phải đạt từ 5,0 điểm trở lên.

Điểm thưởng gồm điểm trung bình tích lũy bậc đại học và điểm công bố khoa học, cụ thể như sau:

- Điểm trung bình tích lũy bậc đại học quy đổi (đối với định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng):

| TT | Thang điểm 10 | Thang điểm chữ | Thang điểm 4 | Điểm thưởng |
|----|----------------|----------------|--------------|-------------|
| 1 | Từ 9,0 đến 10 | A + | 3,6 - 4,0 | 1,0 |
| 2 | Từ 8,5 đến 8,9 | A | 3,2 - 3,59 | 0,5 |

- Điểm công bố khoa học (đối với định hướng nghiên cứu): Điểm thưởng tính bằng điểm bài báo theo quy định của Hội đồng Giáo sư Nhà nước. Điểm thưởng bài báo được tính tối đa 2,0 điểm.

d) Điều kiện xét trúng tuyển

- Người dự tuyển thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với môn Cơ sở và môn Chủ chốt (kể cả điểm ưu tiên, nếu có). Đối với môn thi ngoại ngữ, người dự tuyển cần đạt trình độ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc đạt yêu cầu về chuẩn ngoại ngữ đầu vào như đã quy định tại Mục 6 của Thông báo này.

- Điểm trúng tuyển được lấy từ cao xuống thấp của điểm xét tuyển đến khi tuyển đủ chỉ tiêu tuyển sinh.

8. Hồ sơ đăng ký dự tuyển, thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người dự tuyển liên hệ với đơn vị đào tạo để nhận mẫu Hồ sơ đăng ký dự tuyển; Khai, xác nhận, hoàn chỉnh và nộp hồ sơ đúng thời hạn; Tham gia lớp học bổ sung kiến thức (nếu thuộc trường hợp phải học bổ sung kiến thức). Thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển cụ thể như sau: đăng ký dự tuyển đợt 1 nhận hồ sơ từ ngày 01/3/2024; đăng ký dự tuyển đợt 2 nhận hồ sơ từ ngày 01/8/2024.

Lệ phí đăng ký dự tuyển theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Thông tin tuyển sinh được đăng tải tại: <http://www.tnu.edu.vn> và <http://sdh.tnu.edu.vn>.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Trang thông tin điện tử ĐHTN;
- Các đơn vị đào tạo;
- Lưu: VT, ĐT&QLNH.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS.TS. Nguyễn Hữu Công

ĐÀO